

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS-PT

Ngày 25-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc: “tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 165/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 511/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đức Q, sinh năm 1975; địa chỉ: số A, tổ D, ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số C, Đại lộ B, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền ngày 12/9/2023); có mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân Lộc M, sinh năm 1999; địa chỉ: số nhà A, đường N, khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số C, Đại lộ B, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền ngày 12/9/2023); vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Chu Công B, sinh năm 1971; địa chỉ: số nhà E, đường Đ, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Như N, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà E, đường Đ, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Trần Đức Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Đức Q trình bày:* ngày 27/4/2021, ông Trần Đức Q ký với ông Chu Công B hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công để thi công công trình nhà ở của ông B tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nội dung thi công là thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế được duyệt, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật thể hiện tại Điều 3 của hợp đồng. Thời gian thi công là 135 ngày kể từ ngày 30/4/2021. Thời gian hoàn thiện kết thúc thi công công trình, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thẩm mỹ và bàn giao vào ngày 16/8/2021, giá trị hợp đồng là 481.770.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã tạm ứng số tiền 219.000.000 đồng cho ông Q theo thỏa thuận nhưng về sau ông B không thực hiện đúng việc thanh toán tiền thù lao, do đó ngày 15/11/2021, ông Q đã cho nhân công tạm dừng việc thi công. Đến ngày 22/11/2021, ông Q và ông B lập biên bản làm việc về việc thỏa thuận thi công nhà theo hợp đồng, cụ thể:

- Ông B tạm ứng thêm cho ông Q số tiền 81.000.000 đồng, ông Q có trách nhiệm tăng cường thợ và nhân công thi công hoàn thiện phần mái, tô sơn nước, lát gạch nền, điện, nước...

- Từ nay đến ngày 30/11/2021, ông Q không cho thợ tiến hành thi công, đến ngày 1/12/2021 ông B được toàn quyền ngưng hợp đồng với ông Q vô điều kiện.

- Khi nào nhà hoàn thiện, ông B mới thanh toán phần còn lại theo hợp đồng đã ký và ông Q sẽ bàn giao nhà cho ông B vào ngày 25/12/2021.

Sau đó, ông Q tiếp tục cho nhân công xây dựng và hoàn thiện công trình nhưng khi tiến hành thì ông B lại không cung cấp vật tư đầy đủ cho nhân công làm việc. Ngoài ra, ông B còn tự ý thay đổi, sửa chữa kết cấu công trình không theo thiết kế ban đầu. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông B chỉ thay đổi, sửa chữa khi có sự thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên. Khi đến thời gian bàn giao nhà, ông Q đã hoàn thiện gần như hoàn toàn công trình, chỉ còn phần sàn nhà là do ông B không tạo điều kiện cho ông Q thực hiện, cố tình kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho ông Q. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ký ngày 27/4/2021 giữa ông Q và ông B. Buộc ông B phải thanh toán số tiền 181.770.000 đồng theo hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ký ngày 27/4/2021.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q xác định ông B đã trả tiền sơn nước 31.000.000 đồng, do đó ông Q chỉ yêu cầu ông B thanh toán số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, sau khi ngưng thi công thì ông Q yêu cầu ông B cho ông Q nhận lại những vật dụng mà ông Q đã mang đến để phục vụ việc thi công nhưng ông B không đồng ý. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2022, ông Q yêu cầu ông B trả lại cho ông Q những dụng cụ sau đây: 02 máy trộn bê tông; 26 bộ giàn giáo; 01 máy tời nhai; 112 cây vuông; 05 cái xe rùa; 23 cây chống tăng; 01 thùng chứa đồ trị giá 60.450.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Q chỉ yêu cầu ông B thanh toán số tiền 42.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Q yêu cầu ông B phải thanh toán là 192.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ký ngày 27/4/2021 giữa ông Q và ông B; Biên bản làm việc ngày 22/11/2021; 04 hoá đơn và phiếu giao hàng.

- *Bị đơn ông Chu Công B trình bày:* thống nhất với nguyên đơn về việc ký hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ngày 27/4/2021 và biên bản làm việc ngày 22/11/2021. Thực hiện hợp đồng, ông B đã tạm ứng cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 181.770.000 đồng ông B không thanh toán cho ông Q vì ông Q tự ý ngưng thi công, quá trình thi công xảy ra nhiều sai sót, không đảm bảo chất lượng công trình như đồ đạc kiềng bị cong, đồ cột lệch tâm với đà kiềng, cột bị tụt đầu, cột không thẳng hàng; đồ sàn bê tông bị võng, 2 sàn đều bị thấm nhiều, đồ cầu thang bị sai độ cao, ban công đồ đầu cao đầu thấp, sàn bê tông của mái nhà đồ sai quy cách...Sau đó, ông B có phản ánh với ông Q và ông Q đã cho thợ khắc phục những sai sót trên. Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 21/11/2021, ông Q không cho người đến làm việc và cũng không thông báo lý do tạm dừng. Đến ngày 22/11/2021, ông Q và ông B ký biên bản làm việc với nội dung như ông Q trình bày và cam kết giao nhà chậm nhất đến ngày 25/12/2021. Thực hiện theo thỏa thuận, từ ngày 29/11/2021 đến ngày 11/12/2021, thợ vẫn đến làm nhưng chỉ có 02 - 03 người. Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 19/12/2021, không có ai đến làm. Do gần tết nên ông B phải tìm thợ để tiếp tục hoàn thiện những công việc đang dang dở. Đến ngày 22/02/2022, công trình còn những hạng mục chưa hoàn thiện như: Cầu thang, ban công, mái che sân thượng, đèn chiếu sáng, hệ thống thoát nước, khoảng hở của mái ngói và máng xối.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Q, ông B đồng ý hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ký ngày 27/4/2021 giữa ông B và ông Q. không đồng ý trả số tiền 181.770.000 đồng. Ngoài ra, ông B yêu cầu:

- Buộc ông Q phải khắc phục những sai sót kỹ thuật hoặc trả chi phí cho việc khắc phục những sai sót và mời bên thứ 3 đến giám định chất lượng công trình, mức độ hoàn thành công việc. Hoặc ông Q phải trả tiền công và phần chênh lệch do phải thi công phần việc còn lại.

- Buộc ông Q phải bồi thường số tiền mua vật tư phát sinh thêm khi đập bỏ công trình do ông Q làm sai. Chi phí thuê chỗ ở do chậm giao nhà, bồi thường tổn thất tinh thần do làm đảo lộn kế hoạch về nhà.

Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông B xác định những yêu cầu trên chỉ là ý kiến trình bày để ông Q biết những sai sót của mình, ông B không

yêu cầu Tòa án giải quyết và không có yêu cầu phản tố.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Q, ông B có ý kiến như sau: ông B xác định ông Q có đem những vật dụng này đến nhà ông B để thi công nhưng không biết chính xác số lượng có giống như ông Q trình bày hay không vì ông B không kiểm tra số lượng. Tuy nhiên, việc ông Q cho rằng ông Q cho người đến lấy vật dụng nhưng ông B không cho lấy là không có cơ sở. Hiện nay những vật dụng này không còn vì ông B đã bỏ ra bên ngoài khuôn viên của căn nhà do không phải là tài sản của gia đình. Do đó, ông B không đồng ý yêu cầu này của ông Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như N trình bày:* Bà N là vợ ông B, bà N thống nhất lời trình bày và ý kiến của ông B. Do bận công việc nên bà N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức Q đối với bị đơn ông Chu Công B về việc tranh chấp hợp đồng thi công.

Hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa ông Trần Đức Q đối với ông Chu Công B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức Q đối với bị đơn ông Chu Công B về việc yêu cầu thanh toán số tiền 192.000.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn ông Trần Đức Q kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông B đồng ý hỗ trợ cho ông Q 25.000.000 đồng tiền công cụ lao động bị mất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn ông B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ông Trần Đức Q và bị đơn ông Chu Công B thống nhất trình bày về việc ông B giao cho ông Q xây dựng nhà ở, hai bên ký hợp đồng giá trị nhân công là 481.770.000 đồng, thời gian thi công là 135 ngày kể từ ngày 30/4/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán cho ông Q số tiền 331.000.000 đồng (trong đó có 31.000.000 đồng tiền nhân công sơn nước) còn lại 150.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện hai bên thống nhất nên không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đồng ý hủy hợp đồng thi công xây dựng là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy hợp đồng này là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét về lỗi dẫn đến dẫn đến không thực hiện xong hợp đồng xây dựng, thấy rằng hai bên thỏa thuận về thời gian thi công xây dựng công trình là 135 ngày kể từ ngày 30/4/2021 đến ngày 16/8/2021. Trong thời gian thi công, do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài nên hai bên không thực hiện được thời gian bàn giao nhà như thỏa thuận. Đến ngày 22/11/2021, hai bên lập biên bản thỏa thuận lại việc thi công nhà với nội dung ông Q có trách nhiệm tăng cường thợ và nhân công thi công hoàn thiện phần mái, tô, sơn nước, lát gạch nền, điện, nước. Từ ngày 22/11/2021 đến 30/11/2021, ông Q không cho thợ tiến hành thi công thì đến ngày 01/12/2021, ông B được toàn quyền ngưng hợp đồng với ông Q vô điều kiện. Khi nào nhà hoàn thiện, ông B mới thanh toán phần còn lại theo hợp đồng đã ký, thời gian bàn giao nhà là ngày 25/12/2021.

[4] Nguyên đơn ông Q xác định ngày 16/12/2021, ông Q chính thức ngưng thi công đối với phần thợ hồ vì lý do bị đơn ông B không mua gạch và không làm la phong, còn thợ sắt vẫn làm mái nhà. Đến ngày 04/01/2022 thì chính thức ngưng tất cả các hạng mục công trình. Khi ngưng thi công thì công trình vẫn chưa hoàn thiện. Lý do ông Q ngưng thi công là ông B không cung cấp vật tư để hoàn thiện công trình, không đóng la phong, ốp đá mặt tiền. Ông B không thừa nhận về trình bày của ông Q nhưng ông Q không có chứng cứ chứng minh việc ông B không cung cấp vật tư xây dựng, hoàn thiện nhà.

[5] Tại Biên bản làm việc ngày 22/11/2021, có nội dung ông Q có nghĩa vụ thi công hoàn thiện nhà và bàn giao nhà cho ông B vào ngày 25/12/2021. Tuy nhiên, ông Q xác định đến ngày 04/01/2022, ông Q chính thức ngưng thi công tất cả các hạng mục công trình, và công trình nhà vẫn chưa hoàn thiện. Như vậy, điều này thể hiện ông Q không thực hiện đúng thời gian bàn giao nhà cho ông B là ngày 25/12/2021 mà đến ngày 04/01/2022, ông Q cho ngưng toàn bộ việc thi công nhưng nhà vẫn chưa hoàn thiện. Như vậy, lỗi dẫn đến không thực hiện xong hợp đồng là lỗi của ông Q. Do đó, ông Q yêu cầu ông B thanh toán tiền còn thiếu theo hợp đồng 150.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu ông B phải bồi thường giá trị các công cụ lao động do ông B đã chiếm đoạt gồm: 02 máy trộn bê tông 19.000.000 đồng; 26 bộ giàn giáo 13.000.000 đồng; 01 máy tời 7.000.000 đồng; 112 cây vuông 14.000.000 đồng; 5 xe rùa 2.150.000 đồng; 23 cây chống tăng

4.500.000 đồng; 01 thùng chứa đồ 800.000 đồng, tổng cộng 60.450.000 đồng nhưng ông Q yêu cầu ông B bồi thường 42.000.000 đồng. Tòa án nhận thấy, tại Điều 12 của hợp đồng thi công xây dựng công trình có quy định nghĩa vụ của bên B là ông Q có biện pháp bảo đảm tài sản công trường nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng thì bên B là ông Q hoàn toàn chịu trách nhiệm. Người làm chứng là ông T, bà N1 khai ông Q có thuê ông T, bà N1 xuống lấy đồ về nhưng ông B không cho, tuy nhiên ông Q không có hành vi khiêu nài, tố cáo hành vi này của ông B tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; ông Q không có chứng cứ chứng minh ông B chiếm đoạt các dụng cụ xây dựng của ông Q. Do đó, việc ông Q yêu cầu ông B phải bồi thường giá trị công cụ lao động 42.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Chu Công B tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn ông Q 25.000.000 đồng tiền công cụ lao động bị mất, đây là sự tự nguyện của ông B không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án ghi nhận.

[8] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo ông Q không có tài liệu, chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án. Tuy nhiên, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông B đối với ông Q nên sửa án sơ thẩm.

[9] Án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

[10] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. **Chấp nhận** một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Đức Q; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 165/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức Q đối với bị đơn ông Chu Công B về việc tranh chấp hợp đồng thi công.

Hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình phần nhân công ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa ông Trần Đức Q đối với ông Chu Công B.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức Q đối với bị đơn ông Chu Công B về việc yêu cầu thanh toán số tiền 192.000.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu đồng).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Chu Công B hỗ trợ cho ông Trần Đức Q 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.4. Án phí sơ thẩm: Ông Trần Đức Q phải chịu 9.600.000 đồng (chín triệu sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 6.355.250 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000900 ngày 18/01/2022 và Biên lai thu tiền số 0001273 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Đức Q còn phải nộp tiếp 3.244.750 (ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Đức Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000964 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài